TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-PT
Ngày: 30-6-2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Quân

Các Thẩm phán: Ông Vũ Dũng

Ông Nguyễn Hữu Hải

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa*: Bà Mạc Minh Song - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023, về Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Hà Phúc Y, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn L, xã HC, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn L, xã HC, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị H1: Anh Hà Văn M, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn L, xã HC, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lương Văn H, sinh năm 1977 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn L, xã HC, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hà Phúc Y; người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn bà Hoàng Thị H1 là anh Hà Văn M thống nhất trình bày:

Ông Lương Văn H và Đỗ Thị N được ông Trần Phúc G và Hà Thị B (bố mẹ nuôi của ông Hà Phúc Y) tặng cho một thửa đất rừng từ năm 1995, không có giấy tờ gì; thửa đất đó chưa được cấp cho ai mà là do ông G, bà B tự khai phá trước đó. Sau khi được ông G, bà B cho đất vợ chồng ông Hà Phúc Y canh tác, trồng cây tre măng vầu từ năm 1995 đến năm 2011, thì được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 028182, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00415 ngày 16-8-2011, là thửa số 748, tờ bản đồ số 4, diện tích 29.155,0 m^2, mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất, địa chỉ tại Thôn CV (Nay là thôn L), xã HC, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng ông Hà Phúc Y và bà Hoàng Thị H1 sử dụng đất ổn định, không có biến động gì. Ông Hà Phúc Y xác định đất và tài sản trên đất đều là của ông và vợ là Hoàng Thị H1, các con ông không có công sức đóng góp gì.

Vào năm 2021, gia đình ông khai thác cây tre vầu, nhà ông H cũng khai thác cây. Sau đó, nhà ông chưa kịp trồng cây mới gia đình ông H đã tự ý bới đất, trồng cây quế sang đất nhà ông, tranh chấp bắt đầu từ thời điểm này. Nay ông Y cầu ông Lương Văn H và bà Đỗ Thị N trả cho ông diện tích đất đã lấn chiếm là 662,6 m^2 và phải thu dọn toàn bộ cây quế trên diện tích đất đó theo như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lương Văn H và bà Đỗ Thị N trình bày:

Năm 2011, gia đình ông, bà được cấp thửa đất số 728, tờ bản đồ số 4, diện tích 28.387,0 $m^{2,}$ đất rừng sản xuất, địa chỉ thửa đất ở thôn CV (nay là thôn L), xã HC, huyện T, tỉnh Yên Bái, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 028835, số vào sổ cấp GCN: CH 01078, do UBND huyện T, tỉnh Yên Bái cấp ngày 16-8-2011, cấp cho hộ ông Lương Văn H và bà Đỗ Thị N. Ông, bà xác định đất được cấp cho hai vợ chồng ông, bà.

Về nguồn gốc thửa đất trên: Năm 1997, do chủ trương giao đất, giao rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc của địa phương nên vợ chồng ông, bà đã canh tác trồng cây trên đó, sử dụng ổn định từ năm 1997 đến năm 2011 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên diện tích được cấp, ông bà trồng cây bồ đề từ năm 1997 đến năm 2016 thì thu hoạch. Cuối năm 2021, cả gia đình ông, bà và nhà ông Hà Phúc Y đều khai thác toàn bộ cây trên đất, khi đó phần giáp ranh giữa hai bên là đất trống. Sau khi trồng cây con mới thì phát sinh tranh chấp. Gia đình ông Y có làm đơn đến Ủy ban nhân dân xã, phần đất tranh chấp là phía trên xã đo đạc được là 1.600 m^2, ngoài ra phần ranh giới phía dưới ông Y cũng trồng cây sang đất của ông, bà nhưng xã không đo đạc nên hai bên không hòa giải được.

Hiện nay, trên toàn bộ diện tích đất được cấp ông bà đang trồng quế. Nay gia đình ông Hà Phúc Y, bà Hoàng Thị H1 yêu cầu ông bà trả lại 662,6 m^2 đất và thu dọn cây trên đất, ông bà không đồng ý vì ông bà sử dụng đúng diện tích đất được cấp tại thửa đất số 728, không lấn chiếm của ai. Đồng thời xác định đất và tài sản trên đất là của vợ chồng ông bà, các con không có công sức đóng góp gì trên đất đó.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 29-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái. Đã quyết định: Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dung án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ông Hà Phúc Y và bà Hoàng Thị H1. Buộc ông Lương Văn H và bà Đỗ Thị N phải trả lại cho ông Hà Phúc Y và bà Hoàng Thị H1 diện tích đất là 662,6 m^2 (được giới hạn bởi các điểm A11-A17-B4-B1, nằm trong thửa đất số 01 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất) và thu dọn toàn bộ cây quế trên diện tích đất nêu trên. Tứ cận được xác định như sau: Phía Đông Bắc (từ điểm B1 đến B4, gồm các đoạn 2,6 m; 43,9 m; 21,6 m) giáp thửa đất 728 của gia đình ông Lương Văn H; Phía Tây Bắc (từ điểm A11 đến B1 dài 7,0 m); Phía Đông Nam (từ điểm A17 đến B4, gồm các đoạn có kích thước 4,1 m; 8,0 m; 4,0 m); Phía Tây Nam (từ điểm A11 đến A17, gồm các đoạn có kích thước 9,1 m; 18,4m; 17,5 m; 15,1 m); Các phía Tây Bắc, Đông Nam, Tây Nam đều giáp đất còn lại của thửa đất 748 của gia đình ông Hà Phúc Y. (Có sơ đồ kèm theo bản án).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, quyền về thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13-4-2023, ông Lương Văn H có đơn kháng cáo bản án số 01/2023/DS-ST ngày 29-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện T. Với các nội dung: Bản án không công bằng, thiếu minh bạch; không xác định rõ ràng về ranh giới phía Đông đất mà gia đình ông Lương Văn H được cấp từ năm 1997.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn ông Lương Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của nguyên đơn, bị đơn vào tham gia tố tụng. Nguồn gốc đất của nguyên đơn có từ năm 1995, nên phải xem xét quyền lợi của người thừa kế của bà Hoàng Thị H2 là vợ trước của ông Hà Phúc Y (đã chết năm 1999) nên thuộc trường hợp thiếu người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lương Văn H, hủy bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Người kháng cáo Lương Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Lương Văn H làm trong thời hạn luật định, đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung. Nên việc kháng cáo của bị đơn là hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và các bên đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án, đồng thời đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng trong vụ án và xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của các Điều 26; 35 và 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn ông Hà Phúc Y, bà Hoàng Thị H1 xác định diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của vợ chồng nguyên đơn; Bị đơn ông Lương Văn H, bà Đỗ Thị N cũng xác định diện tích đất được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của vợ chồng bị đơn. Các con của hai bên đều không có công sức đóng góp gì. Đối với bà Hoàng Thị H2 (vợ trước của ông Y) chết từ năm 1999 trước khi ông Hà Phúc Y, bà Hoàng Thị H1 được cấp giấy năm 2011. Mặt khác, khi làm thủ tục cấp giấy (năm 2008). Tại đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần kê khai người sử dụng đất chỉ có tên ông Hà Phúc Y và bà Hoàng Thị H1; Tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần kê khai người sử dụng đất chỉ có tên ông Lương Văn H và bà Đỗ Thị N. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của hai bên đương sự vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật Bị đơn ông Lương Văn H cũng không kháng cáo về nội dung này nên ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Các bên đương sự tranh chấp diện tích đất mà hiện tại cả hai bên đều đã được UBND huyện T, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng vào ngày 16-8-2011. Như vậy, việc xác định ai là người có quyền sử dụng đất tranh chấp cần được căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho các bên.

[2.2] Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện các bên đương sự đều được tham gia xác định ranh giới, mốc giới, được ký vào biên bản xác định ranh gới, mốc giới và được giao đất trên thực địa. Do đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hà Phúc Y, bà Hoàng Thị H1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lương Văn H, bà Đỗ Thị N là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm đã thể hiện: Diện tích hai thửa đất được cấp cho các bên không có sự chồng lấn lên nhau. Quá trình sử dụng đất, các bên đã sử dụng đất không đúng với ranh giới đất được giao, cụ thể: Trong số diện tích đất ông Lương Văn H đang trồng quế, thì có 662,6 m^2 nằm trong thửa đất 748 của gia đình ông Hà Phúc Y; đồng thời trong diện tích đất gia đình ông Hà Phúc Y đang trồng măng, tre thì có 943,3 m^2 nằm trong thửa đất số 728 của gia đình ông Lương Văn H. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hà Phúc Y cũng xác định việc đã trồng tre, măng nhầm sang đất của nhà ông H như kết quả thẩm định và ông sẵn sàng thu dọn cây để trả lại diện tích đất này.

[2.4] Xét việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Phúc Y, bà Hoàng Thị H1 về việc buộc ông Lương Văn H, bà Đỗ Thị N phải thu dọn cây quế để trả cho ông Hà Phúc Y, bà

Hoàng Thị H1 diện tích đất 662,6 m^2 là có căn cứ, đúng pháp luật. Ngoài ra, trong bản án sơ thẩm đã nhận định đối với diện tích 943,3 m^2 đất mà gia đình ông Hà Phúc Y đang trồng măng, tre là diện tích đất thuộc thửa đất 728 của gia đình ông Lương Văn H. Tòa án đã giải thích cho ông Lương Văn H, bà Đỗ Thị N về quyền phản tố nhưng ông H, bà Nụ không Y cầu, do đó không được giải quyết trong cùng vụ án này. Đồng thời Tòa án sơ thẩm đã nhận định về quyền khởi kiện bằng vụ án khác của ông Lương Văn H, bà Đỗ Thị N. Việc nhận định của Tòa án sơ thẩm là đúng quy định, bảm đảm được quyền lợi của ông Lương Văn H, bà Đỗ Thị N.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Lương Văn H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thẩm định tại chỗ với đầy đủ thành phần theo quy định. Tại toà án cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nên toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Lương Văn H là không có căn cứ để chấp nhận; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 29-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc hủy án sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lương Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Lương Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000

đồng ông Lương Văn H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000374 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái. Xác nhận ông Lương Văn H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT II TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;(4)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HC-TP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Quân